TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2023/DS-ST
Ngày: 22-9-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Tiểu Quỳnh.

2. Ông Huỳnh Công Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/DSST ngày 22/3/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 và theo thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số: 116/TB-TA ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ Tín dụng nhân dân Đ.

Địa chỉ: Số E đường số C, phường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện của nguyên đơn: Ông Bùi Minh S, sinh năm 1986; Chức vụ: Phó Trưởng phòng giao dịch Q. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường X, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1952. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: đường S, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường X, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 30/10/2021, ông T có ký với Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ hợp đồng tín dụng số 2-0002916/HĐTD ngày 30/10/2021, với số tiền vay là 50.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay 12,17%/năm; ngày đến hạn trả nợ là ngày 30/10/2022; hình thức trả nợ vay: trả nợ gốc và lãi hằng tháng; mục đích bổ sung vốn buôn bán cơm.

Sau khi được giải ngân số tiền vay, tính đến nay thì ông T đã trả tiền gốc là 30.844.900 đồng và trả số tiền lãi 1.000.000 đồng, do ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nên từ ngày 30/10/2020 nguyên đơn đã áp dụng lãi suất quá hạn là 18,255%. Như vậy, tính đến ngày 22/9/2023 thì ông T còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 19.155.100 đồng và tiền lãi là 9.621.000 đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền gốc là 19.155.100 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi chậm trả và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 22/9/2023 là 9.621.000 đồng và tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh sau ngày 22/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyên đơn đã thực hiện việc gửi toàn bộ hồ sơ khởi kiện cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án quá hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với ông T; ông T cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ đòi ông T trả số tiền gốc là 19.155.100 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi chậm trả và lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử là 9.621.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì có đủ cơ sở xác định Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ và ông T đã ký hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn số 2-0002916/HĐTD ngày 30/10/2021, với số tiền vay là 50.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay 12,17%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; trả gốc và lãi hằng tháng; mục đích buôn bán cơm; ngày hết hạn hợp đồng là ngày 30/10/2022, Số nợ gốc, lãi đến hạn mà bên vay không trả hoặc không trả đủ số tiền phải trả thì nguyên đơn có quyền toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Xét việc hai bên thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng nêu trên phù hợp với Điều 118 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên giao dịch có hiệu lực pháp luật.

[7] Thực hiện hợp đồng trên thì nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay ngày 30/10/2021 là 50.000.000 đồng. Tính đến 14/10/2022 ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi là 1.000.000 đồng và tiền gốc là 8.884.000 đồng, sau đó thì ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 01/11/2022 nguyên đơn đã áp dụng mức lãi suất quá hạn là 18,255%, sau đó đến ngày 17/02/2023 ông T đã trả số tiền nợ gốc là 22.004.900 đồng. Như vậy, tính đến ngày 17/02/2023 thì ông T còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 19.155.100 đồng và tiền lãi là 9.621.000 đồng (bao gồm: lãi trong hạn: 6.085.000 đồng trừ đi lãi đã trả 1.000.000 đồng, còn 5.085.000 đồng; lãi quá hạn: 4.343.000 đồng; lãi chậm trả lãi: 193.000 đồng). Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ gốc, tiền lãi như trên và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[8] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa giải quyết vụ án và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã

không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền gốc và lãi là 28.776.100 đồng, bị đơn có nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[11] Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[12] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 28.776.100 đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Diều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, các khoản 1, 2 Điều 95 và Điều 118 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ:

Buộc ông T phải trả cho Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 28.776.100 đồng (Bằng chữ: hai mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm đồng), trong đó bao gồm tiền gốc là 19.155.100 đồng (Bằng chữ: mười chín triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm đồng), tiền lãi là 9.621.000 đồng (Bằng chữ: chín triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn số 2-0002916/HĐTD ngày 30/10/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.438.805 đồng (Bằng chữ:

một triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm linh năm đồng).

- Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.240.400 đồng (Bằng chữ: một triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015672 ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Quỹ Tín dụng Nhân dân Đ, ông T và bà B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương